

LUẬT THIÊN KIẾN TỖ BÀ SA QUYỂN 2

Lúc đó chúng tăng cử Mục kiến liên đế tu làm Hòa thượng, Ma ha Đề ba làm A-xà-lê để truyền thọ mười giới, Mạt xiển đề làm A-xà-lê để truyền thọ giới cụ túc cho Ma hê đà, ngay trên đàn giới Ma hê đà được lậu tận chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba đạt trí và sáu thần thông. Hòa thượng của Tăng già mật đa là Đàm ma ba la, A-xà-lê là A do ba la để truyền trao sáu pháp cho Tăng già mật đa. Khi học kinh luật với thầy, Ma hê đà thấy đều tổng trì tất cả Phật pháp trong ba tạng, đứng đầu trong một ngàn bạn đồng học.

Vua A Dục lên ngôi được chín năm, lúc đó có Tỳ kheo Đế tu Câu đa tử bệnh nặng, mang bát đi xin thuốc nhưng chỉ được một miếng bơ nên bệnh càng nặng thêm, khi sắp qua đời, vị này nhắn nhủ các Tỳ kheo: “sống trong ba cõi, cẩn thận chớ lười biếng”, nói xong liền bay lên không trung, tự hóa ra lửa thiêu thân mà nhập niết bàn. Vua nghe được tin này liền suy nghĩ: “ở trong nước của ta mà Tỳ kheo lại không xin được thuốc”, nghĩ rồi vua liền cho lập những kho chứa dược liệu để cấp thuốc tại bốn cửa thành. Ở bốn hướng cửa thành thuộc nước Ba tra lợi phát có bốn ngàn nhà khách, hằng ngày đem nộp cho vua năm ngàn tiền; vua dùng một ngàn cúng cho đại đức Ni cù đà dùng để cúng dường hương hoa cho chùa tháp, một ngàn cung cấp cho pháp đường, một ngàn cúng cho các luật sư, một ngàn cúng cho chúng tăng, và một ngàn cho bốn kho thuốc ở bốn cửa thành. Lúc đó Phật pháp hưng thịnh, ngoại đạo suy vi và mất lợi dưỡng nên họ lạm nhập vào trong Phật pháp làm Sa môn, vẫn giữ theo pháp của ngoại đạo để giáo hóa mọi người, cho đó là pháp là luật muốn làm hoại Phật pháp; do không theo pháp luật của Phật nên oai nghi tấn chỉ của họ thấy đều không đúng pháp, đến ngày bố tát mới đến nhóm họp, nhưng các thiện Tỳ kheo không chịu cùng họ làm bố tát, kéo dài như thế cho đến bảy năm. Mục kiến liên đế tu thấy việc này rồi liền suy nghĩ: “tránh pháp đã phát sanh, không bao lâu nữa sẽ lớn mạnh, nếu ta ở trong Tăng thì sẽ không diệt được tránh

pháp này”, nghĩ rồi liền giao phó các đệ tử cho Ma hê đà, một mình vào trong núi A hô đà để sống ẩn cư. Lúc đó vua A Dục nghe biết việc này liền sai đại thần đến trong chùa A Dục khuyên chúng tăng nên diệt trừ tránh pháp để hòa hợp thuyết giới, đại thần tuân lệnh vua đến trong chùa khuyên nhưng chúng tăng không ai thuận theo. Đại thần trở về hỏi ý kiến vị cận thần, vị này nói: “tôi thấy khi vua đi chinh phục các nước, nếu ai không thuận theo thì giết chết, việc này Ngài cũng nên làm như thế”, đại thần nghe rồi liền đến trong chùa khuyên lần nữa, Thượng tòa trong Tăng nói: “các thiện Tỳ kheo không chịu bố tát cùng các Tỳ kheo ngoại đạo, chớ không phải không tùy thuận lệnh vua”, đại thần nghe rồi liền giết hết từ Thượng tòa trở xuống, đến Tỳ kheo Đế tu là em của vua thì ngừng giết.

Trước khi xuất gia Đế tu được vua A Dục lập làm thái tử, một hôm vào rừng du ngoạn nhìn thấy các con Nai giao hợp với nhau liền suy nghĩ: “các con Nai này ăn cỏ uống nước lã mà còn như vậy, huống chi các Tỳ kheo ở trong chùa được cúng dường đầy đủ, sao lại không có việc này”, nghĩ rồi liền trở về tâu vua biết ý nghĩ của mình, vua nghe rồi liền suy nghĩ: “điều không nên nghi ngờ mà lại nghi ngờ”. Một hôm thái tử Đế tu vô ý xúc phạm vua khiến vua nổi giận nói rằng: “Trẫm cho khanh lên ngôi vua trong bảy ngày rồi sẽ giết chết”, trong bảy ngày làm vua, tuy hưởng thụ đầy đủ ngũ dục lạc nhưng tâm trạng thái tử không lúc nào an nên thân thể tiêu tụy vì lo sợ. Sau bảy ngày, vua hỏi Đế tu vì sao tiêu tụy như thế, liền đáp: “thần luôn sống trong lo sợ bị cái chết bức bách nên mới như thế”, vua nói: “khanh biết bảy ngày nữa mới chết mà con lo sợ như vậy, huống chi các Tỳ kheo luôn lo sợ vô thường trong từng hơi thở thì tâm ý đâu còn dính mắc gì”, Đế tu nghe rồi liền phát sinh lòng tin đối với Phật pháp. Một hôm thái tử Đế tu đi săn đến nơi A lan nhã, thấy có một Tỳ kheo tên Đàm vô đức đang ngồi, có con voi dùng vòi bẻ một nhánh cây để quạt cho Tỳ kheo này; thái tử thấy rồi liền suy nghĩ: “đến bao giờ ta mới được như Tỳ kheo kia”. Tỳ kheo Đàm vô đức biết được tâm niệm của thái tử nên dùng thần lực bay lên không trung làm cho thái tử nhìn thấy, kế hạ thân xuống ngồi trên mặt nước ao trong chùa A Dục, thái tử thấy việc này rồi liền phát tâm xuất gia. Trở về cung liền xin vua cho xuất gia, vua nghe rồi kinh ngạc nói: “trong cung có mỹ nữ với đầy đủ các món ăn trăm vị thơm ngon, vì sao khanh lại muốn xuất gia?”, vua đủ cách khuyên ngăn nhưng thái tử đã quyết ý không thay đổi, nói rằng: “hưởng thọ ngũ dục lạc trong cung chỉ là tạm thời, có hội họp ắt sẽ chia ly”, vua khen lành thay rồi ra lệnh quét

don trang hoàng đường sá để đưa tiễn thái tử đến chùa xuất gia. Lúc đó chúng tăng thấy thái tử xuất gia thấy đều vui mừng, có người chuẩn bị sẵn ba y và bát cho thái tử, thái tử vào chùa đến thiền phòng của Tỳ kheo Đàm vô đức cầu xin xuất gia. Lúc đó có một ngàn đồng tử con nhà hào quý thấy thái tử xuất gia cũng xuất gia theo, dân chúng thấy việc này rồi liền suy nghĩ: “thái tử tôn quý như thế mà còn bỏ ngôi vua để xuất gia tu đạo, chúng ta nghèo hèn thì có gì phải lưu luyến”, do nghĩ như vậy nên có vô số người cũng xin xuất gia theo. Cháu ngoại của vua tên là A kỳ thấy thái tử xuất gia cũng đến xin vua cho xuất gia theo, vua khen ngợi và cho được xuất gia cùng ngày với thái tử, do có nhiều người thuộc dòng Sát đế lỵ xuất gia nên Phật pháp lúc đó rất hưng thịnh.

Lúc đó Tỳ kheo Đế tu nói với quan đại thần: “do quan hiểu sai ý của vua nên đã giết oan các Tỳ kheo”, quan đại thần liền trở về tâu lại vua: “thần phụng mệnh vua đến trong chùa khuyên các Tỳ kheo nên hòa hợp thuyết giới nhưng họ không thuận theo, y cứ theo tội này nên thần đã giết chết hết, nhưng đến Tỳ kheo Đế tu là em của vua nên ngừng giết, vậy xin hỏi vua có nên giết luôn cả Tỳ kheo Đế tu không?”, vua vừa nghe lời này liền kinh hãi ngã ngất xỉu, sau khi được rưới nước tỉnh lại, vua nói: “than ôi, ta sai khanh đến trong chùa khuyên chúng tăng hòa hợp thuyết giới, sao khanh lại tự tiện giết chết họ?”. Sau đó vua đích thân đến chùa bạch Tăng: “trước đây Trẫm có sai một vị quan đến khuyên chư Tăng hòa hợp thuyết giới, vị quan này hiểu sai ý Trẫm nên đã tự tiện giết oan các Tỳ kheo, không biết tội này thuộc về ai?”, một Tỳ kheo nói: “do vua sai nên tội thuộc về vua”, một vị nói cả hai đều có tội, lại có một vị hỏi vua: “khi vua sai đi khuyên, vua có tâm giết không?”, vua nói: “khi Trẫm sai đi khuyên là có tâm làm công đức, không có tâm giết”, vị kia nói: “vậy thì vua không có tội mà người giết có tội”, vua nghe rồi sanh tâm nghi nên hỏi các Tỳ kheo: “ai có thể nghi hỏi cho Trẫm, nếu người nào trừ được nghi hỏi của Trẫm, Trẫm sẽ kiến lập lại Phật pháp”, các Tỳ kheo đáp là có đại đức Mục kiên liên đế tu. Vua liền phái bốn pháp sư, mỗi vị có một ngàn Tỳ kheo tùy tùng; lại sai bốn đại thần, mỗi vị có một ngàn tùy tùng cùng đi đến núi A hô hà thỉnh đại đức Mục kiên liên đế tu. Đến nơi, họ nói là vua cho gọi Đế tu nên Đế tu không đi; vua lại phái thêm hai đoàn người nữa đến thỉnh, đến nơi họ cũng nói vua cho gọi nên Đế tu không đi. Vua chờ đợi lâu ngày không thấy nên hỏi các Tỳ kheo, các Tỳ kheo nói: “sợ người đến thỉnh nói sai ý của vua nên vị ấy không chịu đi”, vua hỏi: “vậy nên thỉnh như thế nào mới chịu đi”, đáp: “nên nói là Phật pháp đã bị mai một, xin đại

đức chiếu cố đến gặp vua để cùng kiến lập lại Phật pháp”, vua nghe rồi liền phái mười sáu pháp sư cùng mười sáu đại thần cùng tùy tùng đến thỉnh lần nữa, lại hỏi chư Tăng vị ấy già hay trẻ, đáp là già, lại hỏi nên đón bằng kiệu hay bằng thuyền, đáp là nên đón bằng thuyền. Phái đoàn đến thỉnh và nói lại lời thỉnh trên, Đế tu nghe rồi liền nói: “tôi xuất gia là vì Phật pháp, nay đã đúng thời”, nói rồi thu xếp hành lý để cùng lên đường. Đêm đó vua A Dục nằm mộng thấy có voi trắng đến, dùng voi chạm vào đầu vua, kéo lấy tay vua. Vua tỉnh dậy liền hỏi các tướng sư là điềm lành hay dữ, một tướng sư nói: “là điềm lành, người nắm tay vua là bậc long tượng Sa môn”, lúc đó vua liền được tin báo là Sa môn Đế tu đã đến, vua ra ngoài thành nghinh đón, vua đích thân lội xuống nước ngập đến đầu gối và đưa tay đón đại đức lên bờ, Đế tu liền đưa tay nắm tay vua; cận thần của vua muốn rút gươm chém, vì theo vương pháp của vua, ai chạm vào người của vua sẽ bị chém đầu. Lúc đó vua thấy bóng kiếm trong nước nên quay đầu lại nói: “than ôi, trước đây ta sai đại thần đến khuyên chúng tăng hòa hợp thuyết giới, vì hiểu sai ý của ta nên giết oan các Tỳ kheo, nay lại muốn gây tội cho ta nữa hay sao?”, vua thỉnh Đế tu đến ở tại một trú xứ trong vườn, đích thân cung phụng và suy nghĩ: “nếu vị này trừ được nghi hối cho ta thì cũng trừ được pháp tránh để kiến lập lại Phật pháp”, nghĩ rồi liền nói với Đế tu: “Trẫm muốn được thấy thân thông lực của đại đức”, Đế tu hỏi vua muốn thấy điều gì, đáp là muốn thấy mặt đất chấn động, lại hỏi: “vua muốn thấy chấn động một bên hay chấn động tất cả?”, vua hỏi làm điều nào khó hơn, Đế tu nói: “ví như cái mâm đồng đựng đầy nước, có người lay động mâm, cả mâm nước lay động là khó hay phân nửa động là khó?”, vua đáp phân nửa động là khó và muốn thấy phân nửa mặt đất chấn động, Đế tu nói: “trong phạm vi bốn do tuần, phương Đông để xe, phương Nam để ngựa, phương Tây để người, phương Bắc để mâm nước sao cho người, ngựa xe và mâm nước ở nửa trong nửa ngoài trên bốn ranh giới”, vua nghe rồi liền cho làm theo lời, Đế tu nhập thiền thứ tư rồi xuất thiền dùng thần lực làm cho bên ngoài bốn ranh giới đều chấn động nhưng bên trong bốn ranh giới đều không có chấn động. Vua thấy việc này rồi trong lòng rất hoan hỷ liền hỏi Đế tu: “trước đây Trẫm có sai đại thần đến chùa khuyên chư Tăng hòa hợp thuyết giới, chư Tăng không thuận theo lời nên đại thần đã giết các Tỳ kheo, tội này thuộc về ai?”, Đế tu hỏi vua có tâm giết không, vua đáp là không có tâm giết, Đế tu nói: “nếu không có tâm giết thì vua không có tội”, Đế tu liền nói kinh Bốn sanh cho vua nghe: “trong kinh Phật bảo các Tỳ kheo rằng phải có

tâm toan tính trước mới tạo thành nghiệp, tất cả nghiệp đã làm đều do tâm. Thuở xưa có một con chim Giá cô bị bắt nhốt trong lồng, nó lo sợ nên kêu cứu, đồng loại của nó nghe đều tụ đến để cứu và đều bị giết. Giá cô hỏi đạo sĩ là mình có tội không, đạo sĩ hỏi khi kêu cứu có tâm muốn giết đồng loại của mình không, Giá cô đáp là không có, đạo sĩ nói nếu không có tâm giết thì không có tội và nói kệ:

*“Làm nhưng không thành nghiệp,
Thành nghiệp ắt do tâm,
Người thiện nhiếp giữ tâm,
Nên không có phạm tội.”*

Đế tu dùng nhiều phương tiện giải thích cho vua hiểu rồi ở lại trong vườn bảy ngày để chỉ dạy cho vua phân biệt thế nào là luật, là phi luật; thế nào là pháp, là phi pháp; thế nào là như lời Phật dạy và không phải là lời Phật dạy. Sau bảy ngày vua cho làm ngăn che nhiều nơi, những người đồng kiến đều tập trung vào một nơi, những người dị kiến tập trung vào một nơi khác; trong mỗi nơi tuần tự một Tỷ kheo đi ra gặp vua để vua gạn hỏi Phật pháp là gì, nếu đáp là thường hoặc là đoạn, hoặc là phi tướng, hoặc là phi phi tướng... thì vua biết họ không phải là chân thật Tỷ kheo, mà là ngoại đạo Tỷ kheo. Sau khi biết rồi, vua liền bắt họ hoàn tục mặc lại y phục trắng của thế tục; nếu đáp là pháp mà Phật phân biệt thuyết giảng thì mới là chân thật Tỷ kheo và vua yêu cầu những Tỷ kheo thanh tịnh đồng kiến này nên hòa hợp thuyết giới bố tát rồi ra về. Sau khi vua ra về, sáu vạn Tỷ kheo thanh tịnh đồng kiến với Mục kiền liên đế tu là Thượng tòa chọn ra một ngàn Tỷ kheo thông ba tạng, chứng ba đạt trí để kết tập lại pháp tạng, giống như tôn giả Đại Ca Diếp cùng năm trăm Tỷ kheo trong lần kết tập thứ nhất và tôn giả Tu na câu cùng bảy trăm Tỷ kheo trong lần kết tập thứ hai. Lần kết tập pháp tạng lần thứ ba với một ngàn Tỷ kheo được hoàn mãn vào tháng chín, lúc đó mặt đất chấn động sáu cách.

Hỏi: trong ba lần kết tập pháp tạng, ai là luật sư trong cõi Diêm phù đề này?

Đáp: có tất cả năm luật sư truyền trì Luật tạng cho nhau; đó là Ưu ba ly, Đà tả câu, Tu na câu, Tất già bà và Mục kiền liên đế tu. Mục kiền liên đế tu sắp nhập niết bàn truyền trì tạng Luật cho đệ tử là Ma hê đà, con trai của vua A Dục; Ma hê đà... tất cả năm luật sư cùng đi đến trong nước Sư tử truyền bá luật tạng. Năm luật sư gồm có Ma hê đà, Nhất địa du, Uất đế du, Tham bà lâu và Bạt đà sa; Ma hê đà khi sắp nhập niết bàn truyền trao lại cho đệ tử là A lật tra. Từ A lật tra tuần tự truyền trì

Luật tạng cho nhau tại nước Sư tử, có tất cả là mười bảy vị luật sư đều là bậc Lộ tận A-la-hán, trí huệ thần thông vô ngại và chứng ba đạt trí: một là Đế tu đạt đa, hai là Già la tu đạt na, ba là Địa già na, bốn là Tu đạt na, năm là Già la tu đạt na, sáu là Đàm vô đức, bảy là Đế tu, tám là Đế bà, chín là Tu đạt na, mười là Chuyên na già, mười một là Đàm vô bà ly, mười hai là Xí ma, mười ba là Ưu ba đế tu, mười bốn là pháp phả, mười lăm là A bà da, mười sáu là Đế bà, mười bảy là Tư bà.

Lúc đó, tôn giả Mục kiên liên đế tu suy nghĩ: “trong đương lai, Phật pháp sẽ trụ lâu ở nơi đâu?”, nghĩ rồi liền dùng thần thông lực quán thấy Phật pháp sẽ hưng thịnh ở nơi biên địa. Quán biết rồi liền nhóm tăng bảo các Tỷ kheo: “các vị hãy đem Phật pháp truyền bá ở các nơi biên địa”, nói rồi liền sai chín phái đoàn, mỗi đoàn có năm vị làm quyến thuộc cùng đi đến các nơi biên địa để truyền bá Phật pháp:

1 - Phái đoàn của đại đức Mạt xiển đề đi đến nước Kế tân Kiên đà la tra.

2 - Phái đoàn của đại đức Ma ha Đề bà đi đến nước Ma ê bà đạt đ

à la 3 - Phái đoàn của đại đức Lặc khí đa đi đến nước Ba na bà tu.

4 - Phái đoàn của đại đức Đàm vô đức đi đến nước A ba lan đa

5 - Phái đoàn của đại đức Ma ha Đàm vô đức đi đến nước Ma-ha-a.

lặc tra.

6 - Phái đoàn của đại đức Ma-ha-lặc khí đa đi đến thế giới Dục xoa na.

7 - Phái đoàn của đại đức Mạt thị ma đi đến nước bên núi Tuyết s

ơn. 8 - Phái đoàn của đại đức Tu na ca, Uất đa ca... đi đến nước Kim

9 - Phái đoàn của đại đức Ma hê đà, Uất đế du... đi đến nước Sư

ịa. Lúc đó tại nước Kế tân, có long vương A la bà lâu làm mưa lớn tử.

khiến cho tất cả ruộng lúa đang kết hạt trong nước này bị ngập nước và trôi ra biển. Phái đoàn của đại đức Mạt xiển đề từ nước Ba tra lợi phát, phải nương hư không đi đến Tuyết sơn rồi dùng thần lực đi đứng nằm ngồi trên ao A la bà lâu. Quyển thuộc của long vương vào râu, long vương nghe rồi liền tức giận ra khỏi cung rồng, ở trên

không trung hiện đủ loại thần biến để làm cho các Tỳ kheo này phải sợ hãi; như là gió bão, sấm chớp, mưa to làm cho cây cối ngã nghiêng, núi đá sụp lở.

Quyển thuộc của Long vương cũng phun khói lửa và mưa đá... nhưng vẫn không hàng phục được các Tỳ kheo này. Lúc đó đại đức Mạt xiển đề cùng các Tỳ kheo dùng thần lực trấn áp được các rồng rồi nói: “này Long vương, dù cho người có dùng đủ loại thần biến và tập hợp tất cả quyển thuộc lại cũng không xâm phạm được ta”, long vương nghe rồi biết là không làm gì được nên đứng yên, Mạt xiển đề biết tâm niệm của vua rồng liền đem pháp cam lồ ra giáo hóa làm cho vua rồng và tám vạn quyển thuộc thấy đều thuận phục và thọ Tam quy ngũ giới; cho đến các loài Dược xoa, Cưu bàn trà... ở Tuyết sơn cũng đều thọ Tam quy ngũ giới. Mạt xiển đề lại khuyên vua rồng và các loài Dược xoa... từ nay trở đi chớ nổi giận phá hại mùa màng, nên khởi tâm từ bi làm cho chúng sanh được an vui; vua rồng vâng theo lời dạy và mở hội cúng dường. Lúc đó dân chúng trong nước Kế tân nghe biết tin này đều tụ đến đánh lễ các Tỳ kheo, Mạt xiển đề thuyết giảng kinh Tục thí dụ khiến cho trong pháp hội có tám vạn chúng sanh đắc đạo quả và ngàn người xuất gia, từ đó về sau trong nước Kế tân sáng rực màu ca sa, như kệ nói:

*“Nước Kế tân kiên đà,
Tôn giả Mạt xiển đề...
Giáo hóa vua rồng dữ,
Thọ Tam quy ngũ giới,
Và làm cho nhiều người,
Được thoát khỏi triền phược,
Tám vạn được Pháp nhĩn,
Và ngàn người xuất gia”.*

Tại nước Ma ê bà mạt đà la, phái đoàn của đại đức Ma ha Đề bà thuyết giảng kinh Thiên sứ khiến cho bốn vạn người đắc đạo và đều xuất gia, như kệ nói:

*“Ma ha Đề bà...
Có thần thông lực,
Chứng ba đạt trí,
Thuyết kinh Thiên sứ,
Độ thoát chúng sanh,
Bốn vạn được Pháp nhĩn”.*

Tại nước Bà na ba tư, phái đoàn của đại đức Lạc khí đa dùng thần lực ở trên không trung thuyết kinh Vô tử khiến cho sáu vạn người được Pháp nhĩn, bảy vạn người xuất gia và kiến lập được năm trăm ngôi chùa ở trong nước này, như kệ nói:

*“Đại đức Lặc khí đa...
 Có đại thần thông lực,
 Đến Ba na ba tư,
 Ngồi ở trên không trung,
 Thuyết giảng kinh Vô tử,
 Sáu vạn được Pháp nhãn,
 Bảy ngàn người xuất gia,
 Kiến lập năm trăm chùa”.*

Tại nước A ba lan đa, phái đoàn của đại đức Đàm vô đức thuyết kinh Hỏa tụ dụ khiến cho sáu vạn người được Pháp nhãn, được vị cam lồ, thanh thiếu nữ dòng Sát đế lợi xuất gia đến ngàn người, như kệ nói:

*“Đại đức Đàm vô đức...
 Có đại thần thông lực,
 Đến A bà lan đa,
 Thuyết kinh Hỏa tụ dụ,
 Sáu vạn được Pháp nhãn,
 Được pháp vị cam lồ,
 Độ ngàn Tỳ kheo tăng,
 Và ngàn Tỳ kheo ni”.*

Tại nước Ma-ha-lặc tra, phái đoàn của đại đức Ma ha Đàm vô đức thuyết kinh Ma ha na la đà Ca Diếp bốn sanh, khiến cho tám vạn bốn ngàn người được đạo quả, ba ngàn người xuất gia, như kệ nói:

*“Đại đức Ma ha Đàm...
 Có đại thần thông lực,
 Đến Ma-ha-lặc tra,
 Thuyết Ca Diếp bốn sanh,
 Hơn tám vạn đắc đạo,
 Ba ngàn người xuất gia”.*

Tại nước Du na thế giới, phái đoàn của đại đức Ma-ha-lặc khí đa thuyết kinh Ca la ma, khiến cho bảy vạn ba ngàn đắc đạo, một ngàn người xuất gia, như kệ nói:

*“Ma-ha-lặc khí đa...
 Có đại thần thông lực,
 Đến trong nước Du na,
 Thuyết kinh Ca la ma,
 Hơn bảy vạn đắc đạo,
 Một ngàn người xuất gia”.*

Tại nước ở bên Tuyết sơn, phái đoàn của đại đức Mạt thị ma,

Ca Diếp, Đề bà... thuyết kinh Sơ chuyển pháp luân, khiến cho tám ức người đắc đạo, năm ngàn người xuất gia, như kệ nói:

*“Đại đức Mạt thị ca...,
Có đại thần thông lực,
Đến nước bên Tuyết sơn,
Thuyết Sơ Chuyển pháp luân,
Tám ức người đắc đạo,
Năm ngàn người xuất gia”.*

Tại nước Kim địa, khi phái đoàn của đại đức Tu na ca đến thì trong nước đã có một Dực xoa nữ từ trong biển hiện đến trong vương cung, nếu phu nhân của vua sanh con thì Dực xoa nữ này sẽ bắt đứa trẻ ấy ăn thịt. Lúc đó phu nhân vừa sanh một bé trai nên vừa thấy các Tỳ kheo đến liền rất sợ hãi, cho là bạn của Dực xoa nữ nên sai quân binh đến vây đánh; Tu na ca hỏi rõ nguyên do rồi đáp: “ta không phải là bạn của Dực xoa nữ, chúng tôi là Sa môn đã từ bỏ việc giết hại, tu mười thiện nghiệp đồng mãnh tinh tấn”. Lúc đó Dực xoa nữ nghe tin phu nhân của vua đã sanh con nên cùng tùy tùng đến trong cung, thấy họ đến, người trong cung liền báo cho Tu na ca biết, Tu na ca liền hóa một số đông Dực xoa khác gấp đôi đến bao vây bọn Dực xoa nữ, các Dực xoa xoa nữ cho là bọn Dực xoa này đã chiếm nước, muốn vây bắt chúng nên sợ hãi vội bỏ chạy, số hóa Dực xoa rượt đuổi theo cho khi chúng khuất bóng mới dừng lại. Tu na ca lại tụng kinh chú nguyện để phòng hộ đất nước này, không cho bọn Dực xoa nữ đến xâm phạm và thuyết kinh Phạm võng khiến cho sáu vạn người đắc đạo và rất nhiều người thọ Tam quy ngũ giới; ba ngàn năm trăm người xuất gia làm Tỳ kheo tăng và một ngàn năm trăm làm Tỳ kheo ni, như kệ nói:

*“Đại đức Tu na ca,
Tỳ kheo Uất đa ca...
Có đại thần thông lực,
Đi đến nước Kim địa,
Thuyết giảng kinh Phạm võng,
Sáu vạn người đắc đạo,
Ba ngàn năm trăm Tăng,
Một ngàn năm trăm Ni”.*

Khi đại đức Ma hê đà được Tăng sai đến nước Sư tử liền suy nghĩ có nên đi vào lúc này hay không; sau khi nhập định quán sát liền biết vua nước A nậu la đà là Văn trà tư ba đã già yếu, không thể tiếp nhận sự giáo hóa, nếu đến vào lúc này thì Phật pháp không thể trụ lâu. Quán

biết rồi liền không đi ngay, đợi đến khi thái tử lên ngôi mới đến đó truyền bá Phật pháp; trong khoảng thời gian đó Ma hê đà muốn về quê ngoại để thăm viếng mẹ. Sau khi đến đánh lễ bổn sư, phái đoàn của đại đức Ma hê đà đi đến nước của mẹ Ma hê đà trước rồi sau đó mới đến nước Sư tử. Do trước kia, khi vua A Dục được phong ở nước Uất chi, trên đường đi đến nước đó có ghé qua thôn Tỳ đề tả dưới chân núi Nam sơn, được một trưởng giả đem con gái gả cho vua làm vợ và sanh được một trai là Ma hê đà; khi Ma hê đà lên mười bốn tuổi, vua A Dục trở về nước của cha và lên ngôi vua ở đó, vợ còn ở tại thôn Tỳ đề tả nước Uất chi. Mẹ của Ma hê đà nghe tin liền ra nghinh đón, thỉnh thọ thực và lập một ngôi chùa lớn tên Tỳ địa tả cho các Tỳ kheo trụ. Một thời gian sau, Ma hê đà lại suy nghĩ: “hãy đợi đến khi vua A Dục sai sứ đến nước Sư tử sắc phong cho thái tử Thiên ái Đế tu lên ngôi và đợi đến khi vua này xuất du đến núi Mi sa già, ta mới gặp vua”, đến ngày 15 tháng tư sau khi thuyết giới bố tát xong, phái đoàn của đại đức Ma hê đà lên đường đến nước Sư tử, như kệ nói:

*“Đại đức Ma hê đà,
Đại đức Uất địa du,
Đại đức Uất đế du,
Đại đức Bạt đà da,
Đại đức Tham bà lâu,
Sa di Tu Ma Na,
Đều chứng ba đạt trí.
Thiện nam Bàn đầu ca,
Đã thấy được vết đạo (kiến đế),
Đây là các đại sĩ”.*

Khi vua Văn trà tư bà qua đời, thái tử Thiên ái Đế tu lên nối ngôi, vua trời Đế thích liền hiện đến báo cho Ma hê đà biết và nói: “khi Phật còn tại thế có dự ký sau này có Tỳ kheo Ma hê đà sẽ làm cho Phật pháp được hưng thịnh tại nước Sư tử. Nay đã đúng lúc nên lên đường”, lúc đó phái đoàn của đại đức Ma hê đà từ núi Voi ở Tỳ địa tả nương hư không đi đến nước Sư tử, khi đến núi My sa ca thì hiện xuống nên núi này cũng được gọi là núi Voi, như kệ nói:

*“Tại thôn Tỳ địa tả,
Dừng trụ ba mươi ngày,
Đã đến lúc lên đường,
Đi đến nước Sư tử.
Từ cõi Diêm phù đề,*

*Nương hư không mà đi,
Như nhạn bay trên không,
Thẳng hàng theo thứ lớp.
Các đại đức như thế,
Khởi nhân duyên căn bản,
Núi My sa phương Đông,
Như mây đen bao phủ,
Bay đến trên đỉnh núi,
Họ nhẹ nhàng hiện xuống”.*

Lúc phái đoàn của đại đức Ma hê đà đến nước Sư tử là vào khoảng hai trăm ba mươi sáu năm sau Phật nhập niết bàn. Khi Phật nhập niết bàn thì vua A Xà Thế lên ngôi được tám năm, còn đồng tử Sư tử vừa lên ngôi ở nước Sư tử; khi đồng tử Tỳ xà na đến nước Sư tử kiến lập chỗ ở an ổn cho dân chúng thì vua Uất đà da bạt đà la lên ngôi vua được mười bốn năm tại cõi Diêm phù đề, qua năm sau thì Tỳ xà na qua đời; tại nước Sư tử Bán đầu đề tu đề bà lên ngôi vua thì tại cõi Diêm phù đề, Nan đà ca trực tả ca lên ngôi vua; sau khi vua Bán đầu đề tu đề bà qua đời thì A bà na lên nối ngôi, tại cõi Diêm phù đề vua Tu tu phạt na ca làm vua được mười bảy năm; A bà na làm vua được hai mươi năm thì Bà quân trà ca bà da khởi binh đánh chiếm và lên ngôi vua trị vì được mười tám năm thì tại cõi Diêm phù đề, vua Ca A Dục trị vì cũng được mười sáu năm; khi vua Bà quân trà ca bà da qua đời và Văn trà tư ba lên nối ngôi thì tại cõi Diêm phù đề, vua Chiên đà quật đa trị vì được mười bốn năm; khi vua Văn trà tư ba qua đời và Thiên ái Đế tu lên nối ngôi thì tại cõi Diêm phù đề, vua A Dục trị vì được mười bảy năm. Sau khi Phật nhập niết bàn, vua A nậu lâu đà và vua Mãn trừ tại vị được tám năm, vua A-nan đà ca đái bà ca tại vị được mười bốn năm, vua Tu tu phạt na ca tại vị được mười tám năm, con là A Dục lên ngôi tại vị được mười tám năm, mười người con của vua A Dục lần lượt lên ngôi vua trong hai mươi năm. Sau đó vua Mãn nan đà tại vị trong hai mươi năm, vua Chiên đà quật đa tại vị hai mươi tám năm, vua Tân Đầu Sa La tại vị trong hai mươi tám năm, vua A Dục lên nối ngôi được mười tám năm thì con vua là Ma hê đà đi đến nước Sư tử truyền pháp.

Lúc đó vua Thiên ái đế tu muốn tránh sao hạn xấu nên bảo đánh trống báo cho dân biết vua sắp ra khỏi thành đến núi My sa ca cùng bốn vạn tùy tùng. Khi vua sẵn bần, có thần cây trong núi muốn cho vua gặp đại đức Ma hê đà nên hóa làm con nai đứng ăn cỏ gần đó, thấy nai vua giương cung lấp tên muốn bắn thì nai quay mình chạy về hướng Xà bà

đà la, vua đuổi rượt theo, khi gần đến chỗ Ma hê đà thì hóa nai biến mất. Lúc đó Ma hê đà suy nghĩ: “ta nên dùng thần lực khiến cho vua chỉ thấy ta mà không thấy được người khác”, nghĩ rồi liền gọi: “Đế tu, hãy đến đây”; nghe gọi vua suy nghĩ: “trong nước ai lại dám gọi tên ta, người mặc y phục hoại sắc cắt rọc này là ai mà lại gọi tên ta”, nghĩ rồi liền hỏi là người, thần hay quỷ; Ma hê đà đáp: “chúng tôi là Sa môn Thích tử, vì thương tưởng đại vương nên từ cõi Diêm phù đề đến đây”. Trước đó vua Thiên ái đế tu có giao lưu với vua A Dục, trong nước Sư tử ở bên núi Xa đa ca có một rừng tre mọc lên ba loại tre tên là Đẳng trượng, Hoa trượng và Điều trượng; Đẳng trượng có màu trắng như bạc với dây vàng quấn quanh; Hoa trượng có đủ loại hoa vàng, đỏ, xanh biếc, đen và trắng xen kẽ nhau như chuỗi ngọc; Điều trượng có các loài chim Ưng, chim Điều, chim Kỳ bà, chim Thị tỷ ca... sinh sống, như kệ nói:

*“Bên núi Xa đa ca,
Có một rừng tre rậm,
Mọc lên ba loại tre,
Hoặc sắc trắng như bạc,
Hoặc vàng đỏ trắng đen...
Với dây vàng quấn quanh,
Và các loài chim thú,
Nhiều loại hoa xen tạp”.*

Trong biển lại sản sanh nhiều vật báu như San hô, Ma ni, vàng bạc... và có tám loại ngọc quý là Mã châu, Tượng châu, Xa châu, Bà la ca châu, Bà la da châu, Thiên chỉ châu, Ca cưu đà bà la châu và Thế gian châu. Vua Thiên ái đế tu đem các vật quý hiếm đã có ở nước mình hiến dâng cho vua A Dục, vua A Dục vui mừng đáp tạ lại bằng năm loại vương phục là lọng, phát, kiếm, mào và giày bảy báu cùng vô số bảo vật như tù và, bát vàng đựng đầy nước sông Hằng, hoa tai, bình vàng... và phong vương cho vị vua này, như kệ nói:

*“Mào vua, phát, lọng, kiếm,
Giày da bằng bảy báu,
Bình vàng với tù và,
Bát vàng đựng đầy nước,
Ao A nậu - sông Hằng,
Chiên đàn xanh vô giá,
Khăn tay và đất trắng,
Thuốc trị mắt của rồng,*

*Am ma, A lê lặc,
Thuốc cam lồ vô thượng,
Với năm trăm gánh gạo,
Đều là những diệu vật,
Công đức vua A Dục”.*

Vua A Dục đưa thư nói: “ta đã quy y Phật, Pháp Tăng làm Ưu bà tặc; đây là pháp của thích tử đối với Tam bảo, vua nên chí tâm tín thọ Phật pháp”, vua Thiên ái đế tu thọ vương vị vào ngày rằm tháng ba, một tháng sau thì phái đoàn của Ma hê đà đến nước này.

Lúc đó vua Thiên ái đế tu nghe Ma hê đà tự xưng là Thích tử liền nhớ lại lời vua A Dục nói trong thư, nên vất bỏ cung tên ngồi xuống một bên thăm hỏi, như kệ nói:

*“Vất bỏ cung tên,
Ngồi xuống một bên,
Đại vương thăm hỏi,
Sa môn Thích tử,
Bốn vạn tùy tùng,
Cùng cùng vây quanh”.*

Lúc đó Ma hê đà thu hồi thần lực khiến cho mọi người thấy đủ phái đoàn sáu người, vua liền hỏi là đến từ lúc nào, đáp là cùng đến một lượt, vua lại hỏi: “cõi Diêm phù đề có các Sa môn như thế này hay không?”, đáp: “tại xứ tôi, rất đông Sa môn nên màu y sáng rực trong nước, họ đều là bậc lậu tận A-la-hán, chứng ba đạt trí, thần thông vô ngại...”, vua lại hỏi đến đây bằng gì, đáp: “chúng tôi không đến bằng đường thủy hay đường bộ”, vua suy nghĩ: “như vậy là họ nương hư không mà đi”. Lúc đó Ma hê đà suy nghĩ: “ta hãy thử xem vua này có trí huệ hay không”, nghĩ rồi liền thấy vua đang ngồi gần cây xoài nên hỏi vua: “đây là cây xoài phải không?”, đáp là cây xoài, lại hỏi: “hãy để cây xoài này một bên thì còn có cây khác không?”, đáp là còn có cây khác, lại hỏi: “hãy để cây khác đó một bên thì còn có cây khác nữa không?”, đáp là còn có, lại hỏi: “hãy để các cây khác đó một bên thì còn có cây khác nữa hay không?”, vua nói: “đây là cây xoài phải không?”, Ma hê đà khen: “lành thay vua có đại trí huệ”, lại hỏi vua có thân tộc không, đáp là có, lại hỏi: “hãy để thân tộc của vua một bên thì còn có thân tộc của người khác không?”, đáp là rất nhiều, lại hỏi: “hãy để thân tộc của vua và của người khác một bên thì còn có ai nữa không?”, vua đáp là còn có Trầm, Ma hê đà khen: “lành thay, vua thông minh tự biết thân mình không phải là thân tộc của mình và của người khác”. Biết vị

vua này có thể kiến lập phật pháp nên Ma hê đà thuyết kinh Chú la ha tượng thí dụ khiến cho vua và bốn vạn tùy tùng cùng thọ Tam quy một lượt. Sau khi nghe pháp xong, vua sai người trở về cung mang thức ăn đến, khi thức ăn mang đến, vua suy nghĩ: “giờ này là phi thời chắc các Sa môn không thọ thực”, nghĩ rồi liền hỏi: “giờ này các đại đức có thọ thực hay không?”, đáp: “giờ này không phải giờ của Sa môn chúng tội thọ thực”, vua lại hỏi: “giờ nào thọ thực mới là tịnh pháp?”, đáp: “từ sáng sớm đến giữa trưa thọ thực là tịnh pháp”, vua thỉnh các đại đức cùng vua trở về cung, đáp là không được, vua lại nài: “nếu các đại đức không đi, xin thỉnh đồng tử cùng đi”, đáp: “đồng tử này đã đắc đạo, thông hiểu Phật pháp, sắp xuất gia”, vua nói: “nếu vậy, sáng mai Trẫm sẽ cho xe đến đón”, nói xong liền đánh lễ từ giã. Vua đi chưa bao lâu, Ma hê đà bảo Sa di Tu Ma Na: “đúng lúc nên thuyết pháp, con hãy thông báo cho khắp nước Sư tử biết sắp chuyển pháp luân”, Tu Ma Na nói lành thay rồi nhập thiền thứ tư, sau khi xuất định cất tiếng thông báo cho dân chúng trong nước Sư tử biết sắp chuyển pháp luân đến ba lần. Vua nghe âm thanh này liền cho người đến hỏi nguyên do, mới biết là sắp thuyết pháp Phật; lúc đó địa thần vui mừng thông báo cho hư không thần, cứ như thế truyền lên đến tận cõi Phạm thiên. Đại đức Ma hê đà thuyết kinh Bình đẳng tâm khiến cho vô số chư thiên được vết đạo (kiến đế), các quỷ thần như Ma hầu la già... đều thọ Tam quy; giống như thời Phật, tôn giả Xá lợi phất khi thuyết kinh Bình đẳng tâm đã khiến cho vô số người đắc đạo thì ngày nay đại đức Ma hê đà thuyết kinh này xong, kết quả cũng như vậy. Sáng hôm sau, vua cho người đánh xe đến đón các đại đức về cung, liền đáp: “chúng tôi không đi xe, các vị về trước, chúng tôi sẽ theo sau”, nói rồi liền nương hư không đến phía Đông thành của nước Anụ la, là chỗ ở xưa kia của Phật; đây là trú xứ đầu tiên mà các đại đức đặt chân đến. Vua sai sắp đặt phòng xá cho các đại đức dừng nghỉ, vua suy nghĩ: “pháp của Sa môn là không ngồi nằm giường cao rộng lớn”; khi các sứ giả về đến cửa thành đã thấy các đại đức có mặt trước ở phía Đông thành rồi nên vào tâu vua biết, vua hỏi: “các đại đức đi xe phải không?”, sứ giả liền nói rõ nguyên do, vua nghe rồi liền bảo trải chỗ ngồi bằng nệm dày trên mặt đất; các tướng sư thấy việc này rồi liền suy nghĩ: “các Sa môn sẽ trụ nơi đây vĩnh viễn không dời đổi”. Vua ra nghinh đón, đánh lễ rồi thỉnh các đại đức vào trong cung, khi nhìn thấy nệm trải trên đất các đại đức suy nghĩ: “Phật pháp sẽ trụ lâu nơi đây không dời đổi”. Sau khi các đại đức theo thứ lớp ngồi rồi, vua dâng các món ăn thơm ngon cúng dường; đại phu nhân của vua

tên là A dật la cùng năm trăm phu nhân cũng mang hương hoa ra cúng dường rồi ngồi một bên. Đại đức Ma hê đà thuyết kinh Nga quý bốn sanh, Cung điện bốn sanh và pháp Tứ đế cho đại chúng nghe, sau thời pháp cả năm trăm phu nhân đều đắc đạo. Lúc đó dân chúng xa gần lũ lượt kéo đến muốn nghe pháp nhưng không thể vào trong được nên kêu la vang dậy, vua hỏi nguyên do rồi bảo quét dọn nhà để đại tượng, rải cát trắng lên và treo màn, kế thỉnh các đại đức đến ngồi trong đó thuyết kinh cho tất cả mọi người được nghe. Các đại đức thuyết kinh Thiên sứ khiến cho ngàn người đắc đạo, số lượng người lại tăng thêm nên pháp hội lần nữa phải dời đến trong vườn Nan đà ở ngoài cửa thành Nam. Tại đây các đại đức thuyết kinh Độc dụ khiến cho ngàn người đắc đạo, từ ngày thứ nhất đến ngày thứ ba có đến hai ngàn năm trăm người được vết đạo (kiến đế). Sau khi thuyết pháp xong, các đại đức đứng dậy định đi, các quan hỏi định đi đâu, đáp là muốn trở về trú xứ, các quan tâu vua, vua nói: “trời đã tối làm sao đi được, các đại đức hãy ở lại đây”, đáp là không thể, vua nói: “tiên vương có khu vườn tên là My già, không quá gần cũng không quá xa nơi này, xin thỉnh các đại đức đến đó dừng nghỉ”, các đại đức đến đó trụ theo lời thỉnh của vua. Sáng hôm sau vua liền đến thăm hỏi và hỏi các đại đức có thể ở lại trong vườn này không, đáp là được và nói Phật cho các Tỳ kheo được ở trong vườn, vua nghe rồi vui mừng cầm bình vàng đựng nước rót lên tay của đại đức Ma hê đà. Lúc đó khắp đất nước chấn động, vua kinh sợ hỏi nguyên do, Ma hê đà nói: “đại vương đừng kinh sợ, do Phật pháp sẽ hưng thịnh ở đất nước này và chùa lớn sẽ được kiến lập nên mặt đất chấn động báo trước điềm lành này”, vua nghe rồi vui mừng và thỉnh các đại đức vào cung thọ thực, thọ thực xong trở về trong vườn Nan đà.

